TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26-11-2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Thanh

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà*:** Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 130/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 97/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/11/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1989 (có mặt)

2. Bị đơn: Chị **Lữ Thị H**, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21/5/2019, biên bản lấy lời khai ngày 15/10/2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:*

Anh và chị Lữ Thị H chung sống với nhau năm 2009, đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/7/2011. Cuộc sống vợ thật sự hạnh phúc chỉ được khoảng 05 năm thì

phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh đi chơi với bạn bè nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần cãi nhau chị H có đánh anh bằng tay nên anh bỏ nhà đi thường xuyên, thỉnh thoảng mới về nhà một lần và vợ chồng thật sự ly thân nhau từ năm 2014 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau nữa.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 27/9/2010 và Nguyễn Thị Huyền C, sinh ngày 15/11/2014.

Về tài sản: Vợ chồng không tài sản chung.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với chị Lữ Thị H;

- Về quan hệ con chung: Yêu cầu nuôi hai con chung, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh sau khi vợ chồng ly hôn;

- Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên tòa*:**

- Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên, đồng thời cho biết hiện tại anh đang làm thuê nên có thu nhập ổn định mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng, do đó xác định đủ điều kiện để nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn chị Lữ Thị H vắng mặt lần thứ hai, không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn anh Nguyễn Văn N trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đối với người tham gia tố tụng bị đơn chị Lữ Thị H trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử;

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về hôn nhân, cho anh Nguyễn Văn N ly hôn chị Lữ Thị H; về nuôi con chung, giao Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 27/9/2010 và Nguyễn Thị Huyền C, sinh ngày 15/11/2014 là con chung của hai người cho anh N trực tiếp nuôi

dưỡng, chị H không cấp dưỡng nuôi con cùng anh N; về tài sản chung và về nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo cho bị đơn chị Lữ Thị H biết và quy định thời gian để bị đơn có ý kiến về việc khởi kiện *"ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* của nguyên đơn anh Nguyễn Văn N. Nhưng bị đơn chị H không có ý kiến gì và cũng không cung cấp chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau đó, Tòa án tiến hành Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn chị H, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà bị đơn chị H vẫn cố tình vắng mặt không lý do. Như vậy, được xác định đây là vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: "*Bị đơn,.....đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt*".

Nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn chị Lữ Thị H, nhưng bị đơn chị H vắng mặt không có lý do nên HĐXX phải hoãn phiên tòa. Quyết định hoãn phiên tòa để mở phiên tòa xét xử lần thứ hai đã được tống đạt hợp lệ cho bị đơn chị H, nhưng bị đơn chị H vẫn vắng mặt không có lý do, đồng thời tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh N không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị chị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn N và chị Lữ Thị H khi tổ chức hôn nhân, anh chị tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 01/7/2011. Quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn N thấy rằng: Theo anh N trình bày cùng các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là một phần là do anh N ham chơi nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau, và một phần là do chị H trong lúc cãi nhau đánh anh N nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể khắc phục được và thực tế vợ chồng đã thật sự ly thân nhau một thời gian dài từ năm 2014 đến nay, từ khi ly thân đến thời điểm này thì cả hai bên anh N và chị H không còn thể hiện sự quan tâm đến nhau.

Qua kết quả xác minh, thu thập chứng cứ thì tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của anh N và chị H là có thật, phù hợp với lời trình bày của anh N nêu trên, do đó hai bên đã thật sự ly thân nhau từ đó đến nay (Bút lục số 30).

Từ những phân tích, đánh giá trên cho thấy cả anh N và chị H đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho mối quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N đối với chị H theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về nuôi con chung: Theo anh N, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 27/9/2010 và Nguyễn Thị Huyền C, sinh ngày 15/11/2014 hiện đang sống chung với anh. Khi ly hôn, anh yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh sau khi vợ chồng ly hôn.

Nội dung này đã được Tòa án nêu rõ trong thông báo thụ lý vụ án và đã tống đạt hợp lệ cho chị H, nhưng chị H vẫn không có ý kiến phản bác gì đối với ý kiến của anh N nêu ra và cũng không có yêu cầu gì khác. Đồng thời, cháu Nguyễn Hoàng N cũng đã có văn bản thể hiện ý kiến sau khi cha mẹ (anh N, chị H) ly hôn có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh N. Việc anh N không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con cùng anh sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, hơn nữa theo ý kiến của anh N nêu ra thì hiện nay anh có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, do đó chị H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh N. Vì vậy, cần giao cháu Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 27/9/2010 và Nguyễn Thị Huyền C, sinh ngày 15/11/2014 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng sau khi anh N và chị H ly hôn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không thể hiện ý kiến yêu cầu gì, nên HĐXX không xem xét.

- Về tài sản chung và về nợ chung: Theo anh N vợ chồng không tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của anh N về tài sản chung và nợ như trên, Tòa án đã nêu trong Thông báo về việc thụ lý vụ án để chị H biết, nhưng đến nay chị H không có ý kiến gì phản bác ý kiến của anh N và cũng không có yêu cầu gì khác. Như vậy, khi Tòa án giải quyết vụ án này thì các đương sự (anh N, chị H) không có tranh chấp và yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ, do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn N có đơn yêu cầu xin ly hôn nên anh N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn N ly hôn chị Lữ Thị H.

2 - Về nuôi con chung: Giao con chung Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 27/9/2010 và Nguyễn Thị Huyền C, sinh ngày 15/11/2014 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng *(đúng theo nguyện vọng của Nguyễn Hoàng N),* chị H không cấp dưỡng nuôi con cùng anh N sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về tài sản chung và về nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Anh Nguyễn Hoàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0006421 ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; anh N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 26/11/2019); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Toà án tỉnh KG;*
- *VKS huyện, tỉnh;*
- *Các Đ/s;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *UBND xã T;*
- *Lưu (HSVA, VPTA).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh